TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST
Ngày: 12/11/2018
V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. BàNguyễn Thị Dung

2. Ông Nguyễn Huy Cự

- Thư ký phiên toà:Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà:Ông Lưu Văn A- Kiểm sát viên.

Ngày 12/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử công khai sơ thẩm vụ ánkinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2018/TLST - KDTM ngày 02/4/2018về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyếtđịnh đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa:

*Nguyên đơn:*Ngân hàng C; Địa chỉ: Số 108 phố Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Ông T; trú tại xóm Nội, Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nộilà người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng C).

Ông T;nơi công tác: Ngân hàng C- Chi nhánhĐông Anh; địa chỉ: Tổ 4, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 051ngày 25/01/2018)."Có mặt".

*Bị đơn:*Công ty G; địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp vừa và nhỏ Phú Thị, xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Ông T; trú tại:A6, Khu nhà ở X1, phường Láng Hạ, quậnĐống Đa, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật(Chủ tịch Hội đồng quản trị). "Vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty G (sau đây gọi là Công ty G) có quan hệ tín dụng với Ngân hàng C - Chi nhánh Đông Anh (sau đây gọi là Ngân hàng Công Thương) theo các Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 127/HĐTD-NH ngày 25/04/2008, Giấy nhận nợ: ngày 25/04/2008vàngày 12/5/2008; số tiền cho vay: 6.400.000.000đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy khoan cọc nhồi và xe cẩu bánh xích, thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân,lãi suất trong hạn: 1,40%/tháng tại thời điểm ký HĐTD, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Công thương và thỏa thuận của hai bên, lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn.Tổng số tiền đã trả nợ: 9.079.192.844 đồng (tổng gốc đã trả: 6.400.000.000 đồng, tổng lãi đã trả: 2.679.192.844 đồng. Tính đến ngày xét xử, nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 330.168.889đồng (trong đó lãi trong hạn 157.384.445đồng, lãi quá hạn: 172.784.444 đồng).

2. Hợp đồng tín dụng số 39/HĐTD-TH ngày 22/9/2009, kèm theo giấy nhận nợ ngày 22/9/2009, số tiền cho vay: 14.000.000 JPY hoặc VNĐ tương đương,mục đích vay: Mua cần cẩu bánh xích Sumitomo LS218RH,thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạn: 10,5%/ năm tại thời điểm ký HĐTD, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam và thỏa thuận của hai bên, lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn, giải ngân theo Giấy nhận nợ ngày 22/09/2009, số tiền nhận nợ 2.842.700.000 đồng.Tổng số tiền đã trả nợ: 3.710.245.409đồng (trong đó nợ gốc 2.842.700.000đồng, nợ lãi 867.545.409đồng). Tính đến ngày xét xử, nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi: 258.299.906 đồng(trong đó lãi trong hạn 106.388.248 đồng, lãi quá hạn: 151.911.658 đồng).

3. Hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD-TDH ngày 02/11/2009,số tiền cho vay: 313.500 USD tương đương 5.793.166.500 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua máy khoan cọc nhồi,thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất trong hạnđối với USD: 6,5%/năm; lãi suất trong hạn đối với VNĐ: 10,5%/năm tại thời điểm ký HĐTD, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam và thỏa thuận của hai bên,lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn, Giấy nhận nợ ngày 11/12/2009 số tiền nhận nợ 291.500 USD, Giấy nhận nợ ngày 18/12/2009, số tiền nhận nợ 22.000USD, Giấy nhận nợ ngày 30/12/2009, số tiền nhận nợ 313.500USD tương đương 5.386.628.500đ.Tổng số tiền đã trả nợ: 7.664.305.067đồng (tổng gốc đã trả: 5.793.166.500đồng,tổng lãi đã trả: 1.871.138.567đồng). Tính đến ngày xét xửtổng số tiền còn nợ: 750.959.092 đồng (trong đó nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi trong hạn: 574.527.287đồng,nợlãi quá hạn:176.431.805đồng).

4. Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 150/HĐTD ngày 24/5/2011: Bao gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể số 150-1/HĐTD ngày 24/5/2011, Hợp đồng tín

dụng cụ thể số 150-2/HĐTD ngày 29/6/2011 và các Giấy nhận nợ, số tiền cho vay: 46.000.000.000 đồng (số tiền giải ngân 42.390.158.909 đồng), mục đích vay: Vay vốn thi công cọc khoan nhồi đại trà nhà N01, dự án trung tâm thương mại dịch vụ nhàở Golden Land Building theo hợp đồng kinh tế số 66/2011/HĐ-XD, thời hạn cho vay: 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất trong hạn: 20,5%/năm tại thời điểm ký HĐTD (ngoài ra còn mức lãi suất cụ thể theo từng Giấy nhận nợ), lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn.Tính đến ngày xét xử, tổng số tiền đã trả nợ:Tổng gốc đã trả: 42.390.158.909 đồng, tổng lãi đã trả: 5.527.659.043 đồng, số tiền còn nợ, nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi trong hạn: 0 đồng, nợ lãi quá hạn: 4.004.051.538 đồng.

5. Hợp đồng tín dụng nguyên tắc số 292/HĐTD ngày 12/9/2011: Bao gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể số 292-1/HĐTD ngày 12/9/2011, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 292-2/HĐTD ngày 20/9/2011, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 292-3/HĐTD ngày 11/10/2011và các Giấy nhận nợ, số tiền cho vay: 40.000.000.000 đồng (số tiền giải ngân 33.418.870.500 đồng), mục đích vay: Vay vốn thi công cọc khoan nhồi, móng và tầng hầm đến cos 0.000 công trình nhàở cao tầng NO2-T2 khu đoàn ngoại giao, Xuân Đỉnh, Từ Liêm, Hà Nội, thời hạn cho vay: 9 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của mỗi Hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi suất trong hạn: 19%/năm tại thời điểm ký HĐTD (ngoài ra còn mức lãi suất cụ thể theo từng Giấy nhận nợ), lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn.Tổng số tiền đã trả nợ: Tổng gốc đã trả: 33.418.870.500 đồng, tổng lãi đã trả: 3.598.811.699 đồng. Tính đến ngày xét xửtổng số tiền còn nợ9.057.428.895đồng (trong đó:Nợ gốc: 0 đồng, nợlãi trong hạn: 455.423.197đồng, nợ lãi quá hạn: 8.602.005.698đồng).

6. Hợp đồng tín dụng số 01-LG/HĐTD ngày 02/3/2012, các Giấy nhận nợ, số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng (số tiền giải ngân 14.390.454.030 đồng), mục đích vay: Cho vay thanh toán chi phí thi công công trình dự án Goden Palace hạng mục cọc khoan nhồi và tường vây ký kết ngày 01/6/2011 giữa Công ty TNHH Samku E&C Vina và Công ty CP Xây dựng Long Giang, thời hạn cho vay: 6 tháng, lãi suất trong hạn: 17,5%/năm tại thời điểm ký HĐTD (ngoài ra còn mức lãi suất cụ thể theo từng Giấy nhận nợ), lãi suất quá hạn: Tối đa bằng 150% của lãi suất trong hạn. Tổng số tiền đã trả 9.561.121.467 đồng (trong đó nợ gốc 9.282.391.493 đồng, nợ lãi 278.729.974 đồng).Tổng số tiền còn nợđến thời điểm xét xử: 14.687.778.544đồng; trong đó: Nợ gốc 5.108.062.537 đồng,nợ lãi trong hạn: 787.767.138đồng, nợ lãi quá hạn: 8.791.948.869đồng.

Ngân hàng Công Thương đề nghị Toà án: Buộc Công ty G trả toàn bộ số tiền còn nợcho Ngân hàng Công Thương tính đến hết ngày xét xử theo các hợp đồng tín dụng là: 29.088.686.864đồng (trong đó: Nợ gốc: 5.108.062.537 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.081.490.315đồng, nợ lãi quá hạn: 21.899.134.012 đồng.Công ty G phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số nợ gốc kểtừ ngày 13/11/2018 cho đến khi trả hết nợgốc.

*Bị đơn:*Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

*Ý kiếnđại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâmtại phiên tòa:*Về tố tụng:Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về đường lối giải quyết đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng Công Thương buộc Công ty G phải trả cho Ngân hàng Công Thương tổng cộng: 29.088.686.864đồng (gồm nợ gốc 5.108.062.537 đồng, lãi suất trong hạn: 2.081.490.315đồng, lãi suất quá hạn 21.899.134.012đồng). Tiếp tục tính lãi suất quá hạn kể từ ngày 13/11/2018 trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này; về án phí Công ty G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng, hoàn trả lại tiền tạm ứng án án phí cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ ánđược thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng tín dụng vì Ngân hàng Công Thương và Công ty G là tổ chức có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơncó trụ sở tạixã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nộinên Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng choCông ty G nhưng đại diện theo pháp luậtcủa Công ty vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

Cáchợp đồng tín dụng do người có thẩm quyền của hai bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hình thức, nội dung của các Hợp đồng tín dụng tuânthủ các quy định của pháp luật,phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định về cho vay tài sản của Bộ luật dân sự (Điều 122 của Bộ luật dân sự 2005).

Đối với Hợp đồng tín dụng số 39/HĐTD-TH ngày 22/9/2009 và Hợp đồng tín dụng số 37/HĐTD-TDH ngày 02/11/2009, Ngân hàng Công Thương cho Công ty G vay bằng ngoại tệ nhằm mục đích thanh toán cho nước ngoài tiền nhập khẩu hàng hóa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty G. Theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 09/2008/QĐ-NHNN ngày 10/4/2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách

hàng vay là người cư trú thì trường hợp này Ngân hàng được phép cho vay bằng ngoại tệ.Vì vậy, xác định các hợpđồng tín dụng trên là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên.Sau đó các bên quy đổi thành tiền VND và thỏa thuận về lãi suất là tự nguyện và phù hợp với pháp luật nên chấp nhận là có căn cứ.

Về nợ gốc: Đối với Hợp đồng tín dụng số 01-LG/HĐTD ngày 02/03/2012, tính đến ngày xét xử Công ty G còn nợ gốc 5.108.062.537 đồng còn các các hợp khác số tiền nợ gốc đã trả hết nên không phải xem xét.

Về việc tính lãi suất trong hợp đồng (lãi trong hạn và quá hạn), Giấy nhận nợ phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ Điều 91 của Luật các tổ chức Tín dụng và Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005 Ngân hàng Công thương yêu cầu Công ty G phải trả gốc và lãi suất là có căn cứ pháp luật. Căn cứ bảng tính lãi của từng hợp đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm thì Công ty G còn nợ Ngân hàng Công Thương tổng số: 29.088.686.864đồng (trong đó, nợ gốc: 5.108.062.537 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.081.490.315đồng, nợ lãi quá hạn:21.899.134.012đồnglà có sơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền nợ gốc của khoản vay chưa trả thì Công ty G còn phải trả lãi quá hạn kể từ ngày 13/11/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này là có căn cứ vì các bên thỏa thuận trong hợp đồng và thỏa thuận này phù hợp với pháp luật.

[3]. Về án phí: Bịđơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn.Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu không phải chịu án phí nên được trả lại tiền tạm ứng án phíđã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1Điều 39,các điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ cácđiều 122, 124, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 1 của Quyết định số 09/2008/QĐ-NHNN ngày 10/4/2008 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về cho vay bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay là người cư trú;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

1.Buộc Công ty G thanh toán trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩmlà: 29.088.686.864đồng (trong đó,nợ gốc: 5.108.062.537 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.081.490.315đồng,nợ lãi quá hạn:21.899.134.012đồng).

2.Kể từ ngày 13/11/2018 Công ty G phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.Về án phí:Công ty G phải chịu 137.088.687 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng Csố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 66.925.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/0003554 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

4.Về quyền kháng cáo: Ngân hàng C có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Côngty cổ phần xây dựng Long Giang có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản ánđược niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự,
- VKSNDhuyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Trần Hồng Quang